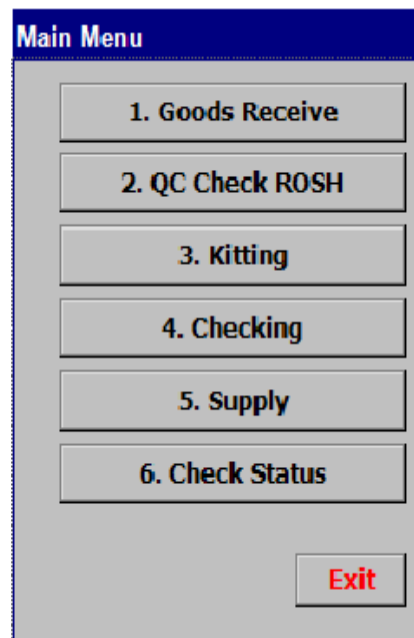


HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ NGUYÊN VẬT LIỆU FOSS

TỔNG QUAN HỆ THỐNG	2
1. Menu Good Receive	2
1.1 Good Receive	3
1.2 Back Good receive.....	5
1.3 Storage	5
1.4 Sub storage	6
1.5 Back sub storage	7
1.6 Internal Transfer	8
2. QC Checking	8
3. Kitting	9
3.1 Loại kitting	9
3.2 Kitting	9
4. Checking	11
4.1 Checking	11
5. Supply	12
5.1 List reservation.....	12
5.2 Line No.....	12
5.3 PIC No.....	12

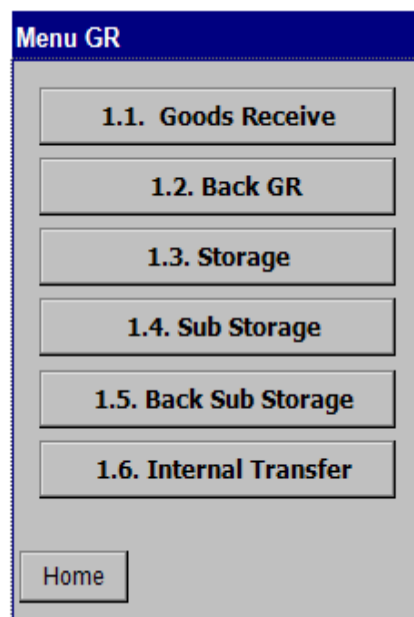
TỔNG QUAN HỆ THỐNG

STT	Mô tả
1	Chức năng Good Receive
2	Chức năng dành cho QC
3	Chức năng kitting
4	Chức năng sắp xếp hàng kitting theo reservation
5	Cấp nguyên vật liệu lên Line sản xuất
6	Trở về menu Good receive
Exit	Thoát khỏi chương trình



1. Menu Good Receive

STT	Mô tả
1.1	Chức năng nhập Actual Total & Scan từng box
1.2	Chức năng Back lại khi đã G/R
1.3	Chức năng lưu kho
1.4	Chức năng lưu kho để nhả
1.5	Chức năng Back lại khi đã để nhả
1.6	Chức năng chuyển kho nội bộ
Home	Trở về Menu main



1.1 Good Receive

1.1.1 Input Actual Quantity

STT	Mô tả
1	Barcode trên box khi nhận hàng (Box G/R)
2	Tổng số lượng hàng về của mã (1) theo DO
3	Cập nhật lại số lượng tổng theo mã (1)
4	Trở lại menu chính
5	Nhập số lượng từng box
6	Trở về menu Good receive

The screenshot shows a software interface titled "Input Actual Quantity". It contains three input fields: "Code:", "Total Qty:", and "Need Qty:". Below these fields is a "Modify" button. At the bottom of the screen are three buttons: "Home", "Scan Detail", and "Back". Red circles with numbers 1 through 6 are overlaid on the interface to indicate specific steps: 1 points to the "Code:" field, 2 points to the "Total Qty:" field, 3 points to the "Modify" button, 4 points to the "Home" button, 5 points to the "Scan Detail" button, and 6 points to the "Back" button.

Quét mã vạch trên một box bất kỳ của mã hàng về vào (1)

+Sau khi quét mã vạch nếu mã vạch đúng thì số lượng tổng sẽ hiện ra tại (2))

+Nếu thấy thông báo “**Ban co muon Scan tung box ?**” (Nếu chọn “Yes” thì sẽ chuyển sang scan từng box. Nếu chọn “No” thì bạn có thể cập nhật lại số lượng tổng bằng cách chọn (3) và nhập lại số lượng vào (2)=> nhấn nút Enter để hoàn tất việc cập nhật).

+ Nếu thấy thông báo “**Ma nay da nhap du Invoice**” thì nhấn Enter để tiếp tục quét mã khác.

1.1.2 Input Good receive Each box

STT	Mô tả
1	Barcode trên box khi nhận hàng (Box G/R)
2	Số lượng hàng trên từng box
3	Lưới hiển thị các box của 1 mã theo DO
4	Trở lại menu chính
5	Trở lại menu Good receive

The screenshot shows a software interface titled "Input GR_eachbox". It contains the following elements with numbered callouts:

- 1**: Points to the "Act Qty:" label and its corresponding input field.
- 2**: Points to the "Each box Qty:" label and its corresponding input field.
- 3**: Points to a large, empty rectangular area, likely a grid for displaying box quantities.
- 4**: Points to the "Home" button at the bottom left.
- 5**: Points to the "Done" button at the bottom right.

Between the "Home" and "Done" buttons, there is a numeric display showing "0".

Quét mã vạch trên một box bất kỳ của mã hàng về vào (1)

+Sau khi quét mã vạch nếu mã vạch đúng thì số lượng tổng sẽ hiện ra tại (2))

+Nếu thấy thông báo “**Ma da duoc Scan box**” (Nếu chọn “Yes” thì bạn có thể cập nhật lại số lượng tổng bằng cách nhập lại số lượng vào (2)=> nhấn nút Enter để hoàn tất việc cập nhật. Nếu chọn “No” thì bạn tiếp tục quét box khác).

Khi đã nhập đủ số lượng từng box thì sẽ xuất hiện thông báo “**Good Receive OK**”

1.2 Back Good receive

STT	Mô tả
1	Barcode trên box khi nhận hàng (Box G/R)
2	Tổng số lượng hàng về của mã (1) theo DO
3	Số lượng từng box
4	Lưới hiển thị chi tiết từng box của 1 mã
5	Trở lại menu chính
6	Xóa bỏ toàn bộ mã (1)
7	Trở lại menu Good receive

The screenshot shows a software interface titled "Back GR". It contains several input fields and buttons. Red circles with numbers 1 through 7 are placed over specific elements: 1 is over the "Code" input field; 2 is over the "Qty Actual:" input field; 3 is over the "Qty Box:" input field; 4 is over a large grey rectangular area representing a list; 5 is over the "Home" button; 6 is over the "Delete" button; and 7 is over the "Update" button.

Quét mã vạch bất kỳ cần Back

+ Nếu mã đúng thì tổng số lượng đã nhập sẽ hiện ra tại (2) và số lượng của box đó sẽ hiện ra tại (3) và danh sách tất cả các box sẽ hiện ra tại 4.

Để update lại số lượng Good receive bạn nhập lại số lượng tổng vào (2) và nhấn Enter để xác nhận số lượng. Sau đó bạn quét box cần sửa số lượng và nhập lại số lượng vào (3). Sau khi nhập xong bạn chọn (7) để cập nhật lại số lượng

Để xóa bỏ toàn bộ mã này bạn chọn (6) để xóa.

1.3 Storage

1.3.1 Storage

STT	Mô tả
1	Barcode trên box khi nhận hàng (Box G/R)
2	Barcode vị trí trên kho
3	Số lượng tổng của mã hàng
4	Trở lại menu chính
5	Trở lại menu Good receive

Quét mã vạch trên một box bất kỳ của mã hàng về vào (1)

Quét mã vạch vị trí kho (2)

+ Nếu 2 mã khớp nhau thì số lượng sẽ hiện ra tại (3) => lưu kho thành công

+ Nếu 2 mã không khớp bạn hãy quét lại để lưu kho.

+ Nếu thấy thông báo “**Ma da luu kho. Ban co muon Back lai ?**” (Nếu bạn chọn “Yes” thì bạn sẽ bắt tiếp barcode vị trí để xác nhận Back toàn bộ lô hàng đó ra khỏi kho. Nếu chọn “No” thì bạn tiếp tục quét mã khác để lưu kho)

1.4 Sub storage

STT	Mô tả
1	Barcode trên box khi nhận hàng (Box G/R)
2	Barcode vị trí trên kho
3	Số lượng tổng của mã hàng
4	Trở lại menu chính
5	Trở lại menu Good receive

1. 4.1 Scan Barcode

Quét mã vạch trên một box bất kỳ của mã hàng về vào (1)

1.4.2 Scan vị trí

Quét mã vạch vị trí kho muốn để nhờ (2)

+ Nếu 2 mã khớp nhau thì số lượng sẽ hiện ra tại (3) => để nhờ thành công.

+ Nếu có thông báo “**Ma da co.Ban co muon cap nhap?**” (Nếu chọn “Yes” bạn sẽ nhập lại số lượng để nhờ)

+ Nếu 2 mã không khớp bạn hãy quét lại để lưu kho.

Chú ý: Mã phải được nhập vào kho chính mới được để nhờ

1.5 Back sub storage

STT	Mô tả
1	Barcode trên box khi nhận hàng (Box G/R)
2	Barcode vị trí trên kho
3	Số lượng tổng của mã hàng
4	Trở lại menu chính
5	Trở lại menu Good receive

The screenshot shows a software interface titled "Back_Sub_storage". It contains four input fields labeled "Box", "Issue", "Receive", and "Qty". At the bottom, there are two buttons labeled "Home" and "Back". Red circles with numbers 1 through 6 are placed over the interface: 1 is over the "Box" field, 2 is over the "Issue" field, 3 is over the "Receive" field, 4 is over the "Qty" field, 5 is over the "Home" button, and 6 is over the "Back" button.

1.5.1 Scan barcode

- Quét mã barcode trên box (1). Quantity sẽ hiện ra tại (4)
- Quét mã kho đang để nhờ(2)
- Quét mã kho sẽ để nhờ khác (3)
 - ⇒ Nếu check OK thì hệ thống sẽ thông báo để nhờ thành công

1.6 Internal Transfer

STT	Mô tả
1	Loại chuyển kho
2	Barcode thùng hàng
3	Số lượng cần chuyển kho
4	Số lượng có trong thùng hàng
5	Quay về menu chính
6	Quay về màn hình Good receive

The screenshot shows the 'Internal Transfer' screen. At the top, there are two radio buttons: 'QC Check' (labeled with a red '1') and 'NG'. Below this, there is a 'Ma code:' field (labeled with a red '2') and a 'Slg:' field (labeled with a red '3'). The 'Slg:' field shows the number '0' (labeled with a red '4'). At the bottom, there are two buttons: 'Home' (labeled with a red '5') and 'Back' (labeled with a red '6').

Bước 1: Chọn loại chuyển kho (1)

Bước 2: Bấm barcode trên thùng hàng (2)

TH1: nếu barcode không hợp lệ có thông báo lỗi: “**Ma khong dung.**”

TH2: Nếu barcode đã được good receive: Hiển thị số lượng còn lại trong thùng hàng đó ở (4) → Bước 3

Bước 3: Nhập số lượng hàng cần chuyển (hàng bị NG) và ấn **ENT**

2. QC Checking

< Under construction ..>

3. Kitting

3.1 Loại kitting

STT	Mô tả
1	Chọn loại linh kiện cần kitting
2	Chọn ngày kitting
3	Sang cửa sổ mới để kitting hàng
4	Quay về menu chính

3.2 Kitting

STT	Mô tả
1	Barcode vị trí hàng
2	Barcode trên thùng hàng
3	Barcode của khay để hàng kitting
4	Danh sách hàng cần kitting
5	Quay về menu chính
6	Quay về màn hình chọn loại hàng
7	Số lượng linh kiện cần kitting

PIC những mã nào thì trong danh sách (4) sẽ hiện ra kế hoạch kitting của người đó

Bước 1: Quét lần lượt từng loại mã barcode vào các ô tương ứng 1, 2, 3. Ưu tiên quét vị trí trên giá (1) trước để biết cần lấy số lượng bao nhiêu cho mã đó:

- TH1: vị trí được quét không có trong danh sách (4) chương trình sẽ thông báo: **“This Location don't have in Kitting list”** → Bước 1
- TH2: mã vị trí vừa quét có trong danh sách (4) thì sẽ hiện thị số lượng cần lấy hoặc số lượng còn lại trong kho (nếu thiếu hàng) vào ở mục (7).

- Nếu thiếu hàng chương trình đưa ra thông báo thiếu hàng để xác nhận:
 “**Not enough Qty in Stock.Do you want to kitting?**”
 Chọn **Yes** thì làm → Bước 2, **No** để hủy kitting mã hàng đó → Bước 1
- Nếu hết hàng trong kho trình đưa ra thông báo hết hàng. Mã hàng đó sẽ không được kitting: “**Out of stock!**” → Bước 1
- TH3: kết nối đến server hoặc dữ liệu trên hệ thống có vấn đề hoặc **kế hoạch bị delay** thì sẽ chương trình sẽ đưa ra thông báo: “**This Partcode don't have in System or delayed plan.**” → Bước 1

Bước 2: Tiếp tục quét mã barcode trên thùng hàng vào ô (2)

Bước 3: quét hộp đựng để đựng hàng kitting vào ô (3)

Bước 4: chương trình tự động thực hiện kiểm tra và ghi nhận vào hệ thống:

- TH1: Nếu barcode (2) trên thùng hàng không đúng, chương trình đưa ra thông báo để quét lại barcode khác: “**Barcode incorrect!**” → quay về bước 2
- TH2: Nếu hộp đựng hàng để kitting (3) đang được sử dụng → đưa ra thông báo lỗi: “**This tray is using. Can not use it.**” → quay về bước 3
- TH3: tất cả dữ liệu hợp lệ
- Đưa ra thông báo thực hiện ghi nhận kitting vào hệ thống thành công: “**OK**”
- Đưa ra thông báo lỗi nếu ngược lại: “**Cannot insert data!**”

4. Checking

4.1 Checking

STT	Mô tả
1	Barcode trên list reservation
2	Barcode trên Tray (dùng để đựng hàng kitting)
3	Số lượng từng Tray tương ứng với (2)
4	Lưới hiển thị list kitting theo list reservation
5	Trở lại menu chính
6	Xác nhận checking OK

The screenshot shows a software interface titled 'Checking'. It contains three input fields at the top: 'List R:', 'Code Box:', and 'Qty:'. Below these is a large rectangular area for displaying a list. At the bottom, there are two buttons: 'Home' and 'Confirm'. Red circles with numbers 1 through 6 are overlaid on the interface to indicate specific points of interest: 1 is on the 'List R:' field, 2 is on the 'Code Box:' field, 3 is on the 'Qty:' field, 4 is in the central list display area, 5 is on the 'Home' button, and 6 is on the 'Confirm' button.

4.1.1 List reservation.

+ Quét mã barcode trên list reservation: nếu check OK thì số lượng Model sẽ hiển thị trên (3)

4.1.2 Khay đựng hàng kitting

Quét mã barcode từng Tray đựng hàng kitting:

+Nếu check OK thì các dòng tương ứng trên (4) sẽ chuyển sang màu xanh
Sau khi check đủ tất cả list (4) thì sẽ có thông báo “**Da check du list kitting**” Bạn nhấn Enter để xác nhận checking xong.

Nếu gặp các thông báo khác bạn nhấn Enter để tiếp tục quét mã khác.

5. Supply

STT	Mô tả
1	Barcode trên list reservation
2	Barcode trên đầu Line sản xuất
3	Barcode line leader trên Line sản xuất
4	Thông tin Model sản xuất trên reservation
5	Trở lại menu chính
6	Thông báo OK hoặc NG

5.1 List reservation.

Quét mã barcode trên list:

+ Nếu hệ thống check OK thì chi tiết reservation sẽ hiện ra tại (4).

5.2 Line No.

+ Quét mã barcode trên line sản xuất

5.3 PIC No.

+ Nếu check hai mã OK thì tiếp tục quét mã barcode của line leader trên line sản xuất để xác nhận lấy hàng.

+ Nếu kiểm tra OK thì sẽ xuất hiện thông báo có màu xanh tại (6). Và kết thúc supply.

The screenshot shows a mobile application interface titled "Issue for Line". It contains several input fields and labels: "List" (1), "Line" (2), "PIC" (3), "Model:" (4), "Line:" (4), "Qty:" (4), "Plant:" (4), "Date: 01/01/2014", "Time: 00:00", and "Plant: Plant:". At the bottom, there is a large "OK" button (6) and a "Home" button (5). A green oval highlights the "Model:", "Line:", "Qty:", and "Plant:" fields.